



连一连

sài pǎo

赛跑

qǐ chuáng

起床

xué xiào

学校

zhuī gǎn

追赶

tài yáng

太阳

gōng gong

公公

gōng jī

公鸡





连一连

日

•

•



cǎo

早

•

•



rì

草

•

•



zǎo



太阳公公起床了

公鸡喔喔把我们叫

你追我赶大家赛跑

看谁最先到学校